

CREATIVE THESIS IN HO CHI MINH'S CULTURAL THOUGHTS

Le Thi Thuy Linh^a
Tran Thi Mai Phuong^b

Political Academy, Ministry of Defence

Email: ^alinhlinh20121988@gmail.com; ^bmaiphuongtran1996@gmail.com

Received: 17/8/2023; Reviewed: 28/8/2023; Revised: 30/8/2023; Accepted: 7/9/2023; Released: 30/9/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/nctd/224>

Cultural thought is an important part that runs through and dominates most other ideas in the entire Ho Chi Minh's thought system. Studying the creative viewpoints in Ho Chi Minh's cultural thought, we can see the very independent, autonomous and creative thinking of a practicing Marxist; the vision of a genius leader and the immense heart of a great cultural man. That system of points has profound theoretical and practical significance for the cultural and human development of the country today.

Keywords: *Creative thesis; Cultural thoughts; Ho Chi Minh thoughts; Culture.*

1. Đặt vấn đề

Những luận điểm sáng tạo trong tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển của đất nước. Nó không chỉ là mục tiêu để vươn tới những giá trị cao đẹp của cuộc sống mà nó còn có vai trò là nền tảng và sức mạnh to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội. Tại Hội nghị Trung ương 9 khóa XI, Đảng xác định: "Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Ngày nay, phát triển đất nước không chỉ là phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, mà đòi hỏi phải phát triển văn hóa - đời sống tinh thần của xã hội. Văn hóa được xác định là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Có thể nói, những luận điểm về văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh là kết tinh những giá trị văn hóa Đông và Tây, truyền thống, hiện đại, dân tộc và quốc tế; là nhân cách lớn, bản lĩnh văn hóa của một nhà văn hóa kiệt xuất; là sự vận dụng sáng tạo những lý luận về văn hóa của chủ nghĩa Mác - Lênin. Tư tưởng của Người về văn hóa dẫn dắt, định hướng việc xây dựng, phát triển, nâng cao tầm vóc nền văn hóa Việt Nam. Vì vậy, việc nghiên cứu luận điểm sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam giai đoạn hiện nay.

2. Tổng quan nghiên cứu

Từ trước đến nay, nghiên cứu về phát triển văn hóa đã có nhiều tác giả, nhà khoa học quan tâm, nghiên cứu, trong đó tiêu biểu là một số công trình như:

UNESCO (2002) với công trình nghiên cứu "Giá trị đặc trưng của di sản văn hóa nói chung và

văn hóa phi vật chất nói riêng của các dân tộc thiểu số", nghiên cứu đã nhận định: Di sản văn hóa của các tộc người thiểu số ở Việt Nam được hình thành trên cơ sở tổng hợp của các yếu tố: địa lý, kinh tế, chính trị - xã hội; được người dân tiếp nhận từ tổ tiên, được hình thành trong lịch sử, được bồi đắp một cách liên tục, kế thừa, không đứt đoạn, lớp mới hòa vào lớp cũ, bổ sung, làm phong phú, chứ không có sự đối lập. Di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số bao gồm: Ngôn ngữ, nghề nghiệp, phương thức sản xuất, trang phục truyền thống... đã và đang đối diện với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đứng trước sự xâm nhập của văn hóa phương Tây. Đề góp phần giữ gìn và phát huy các di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số cần phải có sự quan tâm của Đảng, Nhà nước với chính sách phù hợp, khoa học và đầu tư thích đáng, nhưng trước hết, công tác này phải do chính bản thân các dân tộc đó ý thức và thực hiện.

Tác giả Scar Salemink (2002) với công trình "Sự bảo tồn văn hóa và biểu hiện văn hóa", nghiên cứu đã tập trung phân tích văn hóa truyền thống và văn hóa toàn cầu, khả năng bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa. Khi nghiên cứu xem xét, đánh giá nền văn hoá phải gắn với thời điểm lịch sử cụ thể và điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, đồng thời cần đặc biệt quan tâm đến sự quá độ giữa các chính sách hiện tại và tương lai có thể ảnh hưởng đến sự phát triển văn hóa cũng như đời sống văn hóa của các dân tộc thiểu số.

Tác giả Bjaznova (2005) với nghiên cứu "Toàn cầu hóa các giá trị dân tộc", nghiên cứu đã phân tích quá trình phát triển của xã hội phương Tây hiện đại dưới góc độ văn hoá, bản sắc văn hoá. Trong đó, chỉ ra thực trạng chênh lệch quá xa không chỉ ở các

nước nghèo, chậm và đang phát triển mà còn diễn ra ở các nước phát triển. Đó là tình trạng áp bức bóc lột, bất công, phân hóa giàu nghèo, tàn phá và hủy hoại môi trường... Trên cơ sở đó, công trình tiếp tục nhận định: “Cần tiến hành cuộc cách mạng tinh thần” trong quá trình toàn cầu hóa và “Sự va chạm của các nền văn minh” là tất yếu. Từ đó, công trình đã đề xuất một số giải pháp, trong đó nhấn mạnh giải pháp: Cần xây dựng xã hội hài hòa hơn, rời khỏi “xã hội tiêu dùng” để chuyển sang “xã hội có ý nghĩa hơn”, nhưng vẫn giữ được cốt cách, bản sắc của dân tộc mình. Đó chính là nhu cầu văn hóa tinh thần sâu sắc, đích thực đang nảy sinh trong tâm lý xã hội của các nước phương Tây.

Tác giả Trần Văn Khê (2002) với công trình “Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật chất của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam”, nghiên cứu đã trình bày dưới dạng câu hỏi, theo một trật tự lôgic (tại sao phải bảo tồn? bảo tồn bằng cách nào và bảo tồn cái gì?). Công trình khẳng định, di sản là một thành tố tối quan trọng của bản sắc văn hoá các tộc người thiểu số ở Việt Nam và có một giá trị nghệ thuật không thể phủ nhận. Nó là một kho tàng văn hóa chẳng những có ý nghĩa đối với các dân tộc thiểu số mà còn đối với Việt Nam và toàn thể nhân loại. Để góp phần bảo tồn di sản văn hóa phi vật chất của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, tác giả đã đề xuất 2 cách bảo tồn (thụ động và chủ động).

Tác giả Tô Ngọc Thanh (2002) với công trình “Văn hóa phi vật chất của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam: Vai trò, địa vị của nó, trách nhiệm của chúng ta và giải pháp”, công trình đã nhận định: Văn hóa của các dân tộc thiểu số nói chung và văn hóa phi vật chất nói riêng đang đối mặt với nguy cơ suy yếu dần do nhiều nguyên nhân như: Hệ quả của chiến tranh kéo dài nhiều thập niên đã gây trở ngại cho việc thực hiện các hoạt động văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số. Chính phủ Việt Nam luôn luôn cố vũ cho việc bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc thiểu số, song một số cán bộ địa phương đã chấp hành chính sách này một cách miễn cưỡng. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hoá tạo ra những điều không thuận lợi cho việc bảo tồn, tăng cường sinh lực và thực hiện các hoạt động văn hoá vốn bắt nguồn từ một xã hội nông nghiệp truyền thống và một chế độ cộng đồng làng xã. Khuynh hướng “vọng ngoại” không phân biệt giữa “văn minh” và “văn hoá”, khiến cho một bộ phận dân cư, cả dân tộc đa số lẫn dân tộc thiểu số, đặc biệt là thế hệ trẻ, xem văn hoá dân tộc là cái gì lạc hậu và lỗi thời.

Nhìn chung, những công trình nghiên cứu trên là nguồn tư liệu có giá trị, giúp tác giả kế thừa, góp phần bổ sung, hoàn thiện trong nội dung bài viết này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng chủ yếu một số phương pháp như tổng hợp, hệ thống hóa các luận điểm về văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong quá trình nghiên cứu, bài viết đã sử dụng kết hợp một số phương pháp liên ngành như: Phương pháp thống kê, so sánh, phân tích các tài liệu có sẵn để từ đó làm rõ vấn đề nghiên cứu của tác giả.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Sáng tạo trong nhận thức về vai trò “soi đường” của văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, động lực của sự phát triển

Hồ Chí Minh đã sớm đưa ra khái niệm văn hóa, quan điểm xây dựng nền văn hóa dân tộc. Hồ Chí Minh được thế giới tôn vinh là nhà văn hóa kiệt xuất không chỉ vì Người đã sáng tạo ra một thời đại mới, một nền văn hóa mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam mà còn vì Người đã có những đóng góp có giá trị vào sự phát triển của văn hóa nhân loại. Người đã khởi xướng và là vị “kiến trúc sư” tài ba cho sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, đạo đức mới, con người mới ở Việt Nam từ sau năm 1945. Tất cả đều bắt đầu từ nhận thức đúng đắn và sâu sắc về tầm quan trọng của văn hóa trong tiến trình phát triển lịch sử.

Thứ nhất, Người đã sớm thấy vai trò, sức mạnh của văn hóa và sớm đưa văn hóa vào chiến lược phát triển của đất nước. Ngay sau khi giành lại được độc lập dân tộc, Người đã tìm cách nâng dân tộc mình lên một tầm cao mới: phát động chiến dịch *diệt giặc đói*; đề ra chiến lược xoá nạn mù chữ, thành lập Nha Bình dân học vụ; phát động phong trào *đời sống mới*; xây dựng và phát triển các thuần phong mỹ tục mới trong nhân dân... Khi coi đói nát là một thứ giặc - *giặc nội xâm*, giặc trong lòng - Hồ Chí Minh muốn khẳng định đây là cuộc chiến *sinh tử*, một mất một còn, không thể cùng chung sống. Vì vậy, đất nước muốn phát triển thì phải kiên quyết đấu tranh chống sự ngu dốt, phải không ngừng nâng cao dân trí. Trong lịch sử Việt Nam, thậm chí cả lịch sử nhân loại đã có những tư tưởng đề cao vai trò của giáo dục, khởi xướng sự nghiệp “khai dân trí”, “trồng người... nhưng gọi đích danh đói nát là một loại giặc thì mới chỉ có Hồ Chí Minh. Công lao to lớn của Người là đã đưa văn hóa, giáo dục đi sâu vào quần chúng, tác động như một sức mạnh vật chất, biến đổi phong hoá, cải tạo con người.

Thứ hai, kế thừa tư tưởng của C.Mác, Hồ Chí Minh khẳng định: “Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”. Người còn bổ sung thêm: “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”, tức là khẳng định sứ mệnh chiến đấu của cán bộ văn hóa:

“Nay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong”

Trên mặt trận văn hóa ấy, vũ khí của người chiến sĩ văn hóa là cây bút, tác phẩm văn hóa: “cái bút là vũ khí sắc bén, bài báo là tờ lịch cách mạng”. Như vậy, Người không chỉ nhìn thấy tác động của chính trị tới văn hóa mà còn chỉ ra vai trò tích cực của văn hóa khi tác động trở lại và góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu chính trị.

Thứ ba, trong mục *Độc sách* ở cuốn *Nhật ký trong tù*, sau khi nêu ra định nghĩa về văn hóa, Hồ Chí Minh đã nêu ra chương trình xây dựng văn hóa gồm năm điểm như sau: xây dựng tâm lý (tinh thần độc lập tự cường); luân lý (biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng); xã hội (mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội); chính trị (dân quyền); kinh tế. Như vậy xây dựng văn hóa chính là xây dựng *nền tảng* của xã hội, gồm sự đan kết của nhiều yếu tố: tâm lý, luân lý, chính trị, xã hội, kinh tế. Văn hóa hiểu theo *nghĩa rộng* là chính trị, chính trị hiểu theo *chiều sâu* là văn hóa. Nó luôn đan cài, hoà quyện, thâm thấu vào nhau chứ không phân biệt, tách bạch rạch ròi, đâu là văn hóa, đâu là chính trị.

4.2. Sáng tạo trong quan niệm về bản chất và vai trò của con người - mục tiêu và động lực quan trọng nhất của nền văn hóa

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển văn hóa luôn đi đôi với phát triển con người, mục tiêu quan trọng nhất của văn hóa là con người và con người là chủ thể quan trọng nhất của văn hóa. Con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là con người chung chung, trừu tượng mà là con người lịch sử - cụ thể, con người được nhìn nhận như một chỉnh thể, bao gồm con người sinh vật và con người xã hội. *Con người sinh vật* là con người với những nhu cầu sinh học để tồn tại. Hồ Chí Minh luôn phân đấu để những mong muốn chính đáng của con người được thoả nguyện: ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, được khám chữa bệnh. *Con người xã hội* là một chỉnh thể thống nhất giữa tâm lực, thể lực và trí lực; con người có sự thống nhất giữa hai mặt đối lập như thiện và ác, tốt và xấu, hay và dở, hiền và dữ... Hồ Chí Minh hiểu rất rõ bản chất xã hội và tính xã hội của con người khi đưa ra định nghĩa: “Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng hơn nữa là cả loài người”. Như vậy, con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh được đặt trong các mối quan hệ chông chéo (đối với *người*, đối với *việc* và đối với *mình*), là thành viên trong một cộng đồng gồm nhiều cấp độ. Đây là sự phát triển so với quan niệm truyền thống khi chỉ bó hẹp con người trong ba cấp độ *Nhà - Làng - Nước*. Điều này có ý nghĩa phương pháp luận rất sâu sắc: khi xem xét,

đánh giá con người phải đặt trong tổng hoà các mối quan hệ xã hội, chứ không xem xét riêng lẻ, phiến diện theo kiểu “thầy bói xem voi”.

Hồ Chí Minh thấu tỏ sự tương tác giữa con người sinh học và con người xã hội vì thực chất con người chính là sinh vật có tính xã hội. Phần sinh vật được “người hoá” nhưng không thể mất đi. Vì vậy, tuyệt đối hoá một mặt nào đó đều dẫn đến sai lầm trong nhận thức và hành động. Nếu tuyệt đối hoá con người xã hội thì sẽ không thấy được tính đa dạng của mỗi con người để ứng dụng cho phù hợp, vì mỗi con người là một tính cách, phẩm chất, cá tính riêng. Nếu tuyệt đối hoá con người sinh vật sẽ dẫn đến chủ nghĩa tự do, bản năng đến vô thức...

Mác và Ăngghen trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa duy tâm triết học để đem lại thắng lợi cho chủ nghĩa duy vật mác xít chưa có điều kiện bàn sâu và bàn nhiều về vai trò, tác động trở lại của con người, của yếu tố văn hóa, đạo đức... đối với kinh tế. Thậm chí kẻ thù còn tìm cách xuyên tạc, nói rằng đó là một học thuyết chỉ thấy giai cấp, chỉ thấy kinh tế mà không thấy con người. Hồ Chí Minh dù ở trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng luôn khẳng định: nhân tố con người là yếu tố *quyết định* thành bại của cách mạng. Quan điểm Hồ Chí Minh khi đánh giá và nhìn nhận về sức mạnh và vai trò của con người thể hiện ở ba điểm sau đây:

Thứ nhất, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng nói chung và sự nghiệp phát triển văn hóa nói riêng. Người nói “lấy dân làm gốc” tức là phải lấy nhu cầu độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc của nhân dân làm *mục tiêu*, lấy lợi ích chính đáng của con người làm *động lực*. Trong khi nhận thức sâu sắc, đầy đủ vai trò động lực của con người thì phải thấy mối quan hệ biện chứng giữa *con người mục tiêu* và *con người động lực*. Càng chăm lo cho con người mục tiêu tốt bao nhiêu thì sẽ phát huy con người động lực tốt bấy nhiêu. Ngược lại, tăng cường được sức mạnh của con người động lực thì sẽ nhanh chóng đạt mục tiêu cách mạng.

Thứ hai, luôn luôn tin tưởng vào năng lực, phẩm chất và sức mạnh của con người. “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”. Hồ Chí Minh luôn đặt một niềm tin *tuyệt đối* vào con người chứ không tin vào một sức mạnh siêu nhiên, thần bí nào khác. Người cũng nhiều lần khẳng định, sức mạnh của cách mạng nằm ở quần chúng nhân dân chứ không phải ở cá nhân người lãnh đạo: “Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”. Điều này là hoàn toàn xa lạ so với khuynh hướng độc tài, chuyên chế, quan liêu, coi khinh nhân dân đã từng

tồn tại trong lịch sử. Từ chỗ tin vào sức mạnh và trí tuệ của nhân dân, Người xác định trách nhiệm của Đảng, Nhà nước là phụng sự nhân dân. Người quan niệm: “dân như nước, mình như cá”, lực lượng bao nhiêu là nhờ dân hết. Nhà nước muốn điều hành, quản lý xã hội có hiệu lực, hiệu quả thì *nhất định* phải dựa vào dân.

Thứ ba, yêu thương và tôn trọng đi liền với phát huy sức mạnh của nhân tố con người, tìm mọi biện pháp để tác động vào tính tích cực xã hội của con người. Đi đôi với khai thông *động lực*, Người cũng phê phán mạnh mẽ chủ nghĩa cá nhân - căn bệnh mẹ, bệnh gốc gây ra các *trở lực*, kìm hãm sự phát triển tiến bộ của con người và xã hội. Điều đáng nói là, Người nhận thức rõ, tiêu diệt, quyết sạch, trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân là yêu cầu thường xuyên và cấp thiết của cách mạng nhưng đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là giày xéo lên lợi ích cá nhân, mà trái lại, phải luôn khuyến khích lợi ích cá nhân chính đáng, hợp pháp, lấy đó làm động lực của cách mạng.

4.3. Sáng tạo trong nhận thức về tầm quan trọng và mục đích của chiến lược “trồng người” - vấn đề căn cốt trong văn hóa giáo dục và là “quốc sách hàng đầu” hiện nay

Từ quan điểm về con người đến chiến lược “trồng người” là bước phát triển hợp logic trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Để thực hiện thành công các chiến lược kinh tế - xã hội thì chiến lược con người phải đi trước. Từ rất sớm, Người đã nêu ra một luận điểm nổi tiếng: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”. Đó là sự tiên liệu sáng suốt của lãnh tụ khai sáng kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Giành được chính quyền đã khó, giữ được chính quyền lại càng khó hơn. Trong cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp phức tạp hiện nay, thế hệ trẻ luôn là đối tượng giành giật giữa các giai cấp, các thế lực. Kinh nghiệm lịch sử cách mạng Việt Nam và thế giới cho thấy: giai cấp nào nắm được thanh niên, giai cấp đó sẽ chiến thắng.

Theo Hồ Chí Minh, chiến lược “trồng người” phải nhằm mục đích là đảm bảo và thỏa mãn *các giá trị làm người* cho con người: từ những nhu cầu tối thiểu và *giá trị sinh tồn* là ăn, mặc, ở, đi lại đến học hành, khám chữa bệnh, nghỉ ngơi; đến những *quyền tự do, dân chủ* và cuối cùng là con người được *khẳng định giá trị* của mình - *giá trị phát triển*. Văn hóa phải tạo điều kiện cho con người phát huy hết tiềm năng, năng lực của cá nhân, từ đó đi đến tự khẳng định mình là một cá thể không thể thiếu được trong xã hội này, không ai thay thế được. Con người sống không chỉ để hưởng thụ mà còn phải đóng góp cho xã hội, khẳng định tính xã hội của

con người, điều này thuộc về vai trò của ngành giáo dục. Điều này cho đến nay vẫn còn giữ nguyên tính thời sự, bởi chỉ khi nào con người khẳng định được giá trị của mình (thông qua công việc, việc làm), đóng góp sức mình cho sự phát triển của xã hội thì cuộc sống của con người mới có ý nghĩa. Nó cũng lý giải vì sao trong “Triết lý giáo dục thế kỷ XXI” mà UNESCO đưa ra năm 1996, có bốn mục tiêu giáo dục, trong đó mục tiêu cuối cùng là: học để tự khẳng định mình (learn to be myself).

4.4. Sáng tạo trong quan niệm về văn hóa đạo đức, coi đạo đức là một yếu tố quan trọng, đảm bảo cho sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, gắn đạo đức với sự phát triển và tiến bộ của xã hội

Xuất phát từ quan điểm cho rằng đạo đức là sự phản ánh các điều kiện kinh tế, nếu hoàn thiện các điều kiện vật chất của cuộc sống, đạo đức xã hội cũng sẽ được hoàn thiện, Mác và Ăngghen không mấy đề cao vai trò của đạo đức. Lênin cũng chưa có nhiều điều kiện bàn về vai trò của đạo đức trong đấu tranh, xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, do sớm qua đời. Hồ Chí Minh xuất phát từ tác dụng năng động của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội thì luôn khẳng định vai trò và sức mạnh to lớn của đạo đức, coi đạo đức là *cái gốc* của người cách mạng. Đặc biệt, trong điều kiện Đảng cầm quyền, người lãnh đạo lại càng phải có đạo đức, nếu “không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân” “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh lần đầu tiên nhắc tới khái niệm “Đảng cầm quyền”: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải *thật sự* thấm nhuần đạo đức cách mạng, *thật sự* cần kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta *thật* trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ *thật* trung thành của nhân dân”. Bôn từ “*thật*” được lặp đi lặp lại như muốn khẳng định chắc chắn rằng: đạo đức của cán bộ, đảng viên chính là yếu tố quyết định sức mạnh của Đảng và tạo nên lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Làm tốt vấn đề này, Đảng sẽ hội tụ và phát huy được sức mạnh của quần chúng và ngược lại, cán bộ, đảng viên tha hoá, biến chất thì nội bộ Đảng sẽ suy yếu, nhân dân mất niềm tin, ảnh hưởng tới sự tồn vong của chế độ.

Về vấn đề nhà nước, nếu như Không Tử nêu cao vai trò của đạo đức và sự tu thân dưỡng tính của người quân tử nhằm “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, Hàn Phi Tử chỉ nhấn mạnh tới vai trò của pháp luật trong quản lý và điều hành xã hội thì Hồ Chí Minh đã biết kết hợp cả hai tư tưởng đó lại, hình

thành nên quan điểm về nhà nước pháp quyền nhân nghĩa - nhà nước của dân, do dân, vì dân, kết hợp cả đức trị và pháp trị. Người một mặt đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật và đạo đức cho nhân dân, mặt khác ban hành nhiều sắc lệnh, quy định cũng như cụ thể hoá chế tài xử lý đối với những hành vi vi phạm pháp luật, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Điểm sáng tạo nữa của Hồ Chí Minh khi bàn về vấn đề đạo đức là Người rất hay sử dụng các khái niệm của Nho giáo vốn đã ăn sâu, “bám rễ” vào tiềm thức của con người Việt Nam nhưng luôn lồng vào đó những nội dung tư tưởng mới, khiến nó trở thành những khái niệm rất tiên bộ và tích cực. Trung, hiếu vốn là những khái niệm đạo đức cũ với nội dung hạn hẹp, phản ánh bốn phận, trách nhiệm của nhân dân đối với vua, con cái đối với cha mẹ. Hồ Chí Minh đã gạt bỏ điều cốt lõi nhất trong quan niệm Nho giáo là lòng trung thành tuyệt đối của nhân dân bị áp bức với chế độ phong kiến mà ông vua là đại diện. Trong chế độ mới, nhà nước là của dân, do dân làm chủ, cán bộ là “đầy tớ”, “công bộc” của nhân dân, cho nên *trung với nước* phải đi liền *hiếu với dân*. Hay khi nói về chuẩn mực đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, Người nói: “Bọn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính, nhưng không bao giờ làm mà lại bắt nhân dân phải tuân theo để phụng sự quyền lợi cho chúng. Ngày nay, ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước cho dân”. Hồ Chí Minh không chỉ nêu ra các quan điểm về văn hóa đạo đức rất tiên bộ, cách mạng mà Người còn là minh chứng mẫu mực cho văn hóa đạo đức của con người Việt Nam mới.

5. Thảo luận

Để góp phần vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa trong giai đoạn tới, chúng ta cần quan tâm tập trung làm tốt những nội dung sau:

Một là, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong phát triển văn hóa, trong hoạt động giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc trong xây dựng nền văn hóa mới tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Cần coi trọng việc củng cố, hoàn thiện cả việc tổ chức nội dung hoạt động trong lĩnh vực văn hóa. Đảng phải không ngừng liên hệ chặt chẽ với quần chúng nhân dân nhằm thực hiện có hiệu quả các chính sách văn hóa thông qua các tổ chức Nhà nước, các tổ chức đoàn thể xã hội. Khi đó chức năng của văn hóa cũng được tăng lên trong quá trình xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam.

Hai là, Đảng và Nhà nước cần có chính sách sử dụng, đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, quản lý văn hóa một cách hiệu quả nhất. Cán bộ làm công tác văn hóa, quản lý văn hóa phải có

sự hiểu biết sâu về văn hóa Việt Nam, văn hóa thế giới. Nâng cao trình độ lãnh đạo và năng lực quản lý của Nhà nước đối với việc giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc. Hoạt động khôi phục tôn tạo khai thác các giá trị văn hóa, nghệ thuật cổ truyền dân tộc cần được đưa vào chương trình, kế hoạch ở các cấp.

Ba là, đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức về giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc cho thế hệ trẻ. Đề có được điều đó, trước hết đòi hỏi chúng ta phải giáo dục cho thế hệ trẻ nhận thức đúng đắn mối quan hệ giữa giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, phát huy nội lực với mở rộng quan hệ quốc tế. Giáo dục cho thế hệ trẻ ý thức, hiểu biết về giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc. Do vậy, đòi hỏi toàn xã hội, từ cha mẹ tới nhà trường phải có ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, cũng như có các hành động, biện pháp giáo dục cụ thể đối với thế hệ trẻ từ lòng yêu nước, ý thức cộng đồng cho tới cách ứng xử hàng ngày. Trong nhà trường phải quan tâm tới giáo dục đạo đức, giáo dục nhân văn cho phù hợp với từng lứa tuổi. Cần phải coi giáo dục giá trị văn hóa như là một môn học cơ bản để phát triển trí tuệ và tâm thức trong mỗi con người Việt Nam.

Bốn là, bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa dân tộc. Cần tuyên truyền mọi người dân có ý thức giữ gìn và bảo vệ di sản văn hóa của cha ông, huy động mọi nguồn lực để thực hiện. Phải chú ý đến bảo vệ di sản văn hóa nghệ thuật dân tộc cổ truyền, xây dựng luật bảo vệ di sản văn hóa dân tộc. Nghiêm cấm những hành vi phá hoại đến các di sản văn hóa dân tộc. Cần có những biện pháp thích hợp để bài trừ hủ tục lạc hậu và mê tín dị đoan trong các lễ hội dân gian. Có chính sách bảo vệ, tôn tạo và lưu giữ các di sản văn hóa dân tộc. Đầu tư cho việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác bảo quản, tôn tạo và khai thác các giá trị văn hóa dân tộc.

6. Kết luận

Những luận điểm, tư tưởng trên được Hồ Chí Minh nêu lên chủ yếu từ những năm 40, thậm chí từ những năm 20 của thế kỷ trước, đến đầu thập niên 90 mới được UNESCO đưa lên thành những cuộc vận động lớn trên toàn thế giới. Do những luận điểm hết sức *sáng tạo, tiên bộ* và rất *nhân văn* đó, đồng thời với việc coi những lý tưởng của Hồ Chí Minh với lý tưởng của UNESCO là một, Nghị quyết tôn vinh Người là “Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam” của UNESCO đã khẳng định: “Những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc mong muốn được khẳng định bản sắc văn hóa của mình và mong muốn tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc”.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương. (2014). *Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014.

Bjznova. (2005). *Toàn cầu hóa các giá trị dân tộc*. Tài liệu phục vụ nghiên cứu của Viện Thông tin Khoa học xã hội, số TN (2005) - 37.

Delors, J. (2002). *Học tập một kho báu tiềm ẩn: Báo cáo gửi UNESCO của Hội đồng quốc tế về giáo dục thế kỷ XXI* (T. Đ. Thắng, dịch). Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

Khê, T. V. (2002). *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật chất của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Hà Nội.

Nguyệt, Đ. T. M. (2022, 14/11). Một số quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa và nâng tầm văn hóa Việt Nam. *Tạp chí điện tử Cộng sản*.

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. (2021). *Hồ Chí Minh - Toàn tập (15 tập)*. Trong đó: t.7, tr.246; t.3, tr.451; t.14, tr.540; t.5, tr.292; t.15, tr.672; t.15, tr.622; t.6, tr.130; t.10, tr.453; t.5, tr.335; t.4, tr.116; t.11, tr.528.

Salemink, S. (2002). *Sự bảo tồn văn hóa và biểu hiện văn hóa*. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Hà Nội.

Thắng, M. Q., Phong, B. Đ., & Tính, C. Đ. (2014). *UNESCO với sự kiện tôn vinh chủ tịch Hồ Chí Minh - anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

Thanh, T. N. (2002). *Văn hóa phi vật chất của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam: Vai trò, địa vị của nó, trách nhiệm của chúng ta và giải pháp*. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Hà Nội.

UNESCO. (2002). *Giá trị đặc trưng của di sản văn hóa nói chung và văn hóa phi vật chất nói riêng của các dân tộc thiểu số*. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Hà Nội.

NHỮNG LUẬN ĐIỂM SÁNG TẠO TRONG TƯ TƯỞNG VĂN HOÁ HỒ CHÍ MINH

Lê Thị Thùy Linh^a
 Trần Thị Mai Phương^b

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Email: ^alinhlinh20121988@gmail.com; ^bmaiphuongtran1996@gmail.com

Nhận bài: 17/8/2023; Phản biện: 28/8/2023; Tác giả sửa: 30/8/2023; Duyệt đăng: 07/9/2023; Phát hành: 30/9/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/224>

Tư tưởng văn hóa là một bộ phận quan trọng, xuyên suốt và chi phối hầu hết các tư tưởng khác trong toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Nghiên cứu những luận điểm sáng tạo trong tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh, chúng ta thấy được tư duy rất độc lập, tự chủ, sáng tạo của một nhà mác xít thực hành; tầm nhìn của một lãnh tụ thiên tài và trái tim bao la của một nhà văn hóa lớn. Hệ thống luận điểm ấy có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất sâu sắc đối với sự phát triển văn hóa, con người của đất nước hiện nay.

Từ khóa: Luận điểm sáng tạo; Tư tưởng văn hóa; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Văn hóa.